

Bản án số: 02/2020/DS-ST  
Ngày: 05-3-2020  
V/v Tranh chấp quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Ngọc Quyết.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Đoàn Văn Lước;
2. Bà Vũ Thị Hạnh.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Tuấn Sơn, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Tân Uyên tham gia phiên tòa:** Ông Trương Anh Tú - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 28 tháng 02 và 05 tháng 3 năm 2020, tại Tòa án nhân dân huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 41/2019/TLST-DS ngày 15 tháng 5 năm 2019 về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2020/QĐXXST-DS ngày 13 tháng 02 năm 2020, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Bà Phạm Thị P, sinh năm 1952; địa chỉ: Tổ 9B, ấp L, xã T, huyện U, tỉnh Bình Dương. Có mặt tại phiên tòa, vắng mặt khi tuyên án.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị X, sinh năm 1994; địa chỉ: Khối 1, thị trấn K, huyện H, tỉnh T, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 18/02/2019). Có mặt.

**- Bị đơn:** Anh Nguyễn Mạnh H, sinh năm 1993; địa chỉ: Tổ 10, ấp L, xã Đ, huyện U, tỉnh Bình Dương. Chỗ ở hiện tại: Số 105 đường Ngô Chí Q, khu phố 2, phường B, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Có mặt tại phiên tòa, vắng mặt khi tuyên án.

**- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1948; địa chỉ: Tổ 9B, ấp L, xã Đ, huyện U, tỉnh Bình Dương. Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

2. Bà Nguyễn Thị Kim V, sinh năm 1977; địa chỉ: Tổ 9B, ấp B, xã Đ, huyện U, tỉnh Bình Dương. Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

3. Bà Nguyễn Thị Kim L, sinh năm 1983; địa chỉ: Tổ 9B, ấp L, xã T, huyện U, tỉnh Bình Dương. Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

4. Bà Nguyễn Hồng T, sinh năm 1985; địa chỉ: Tổ 9B, ấp B, xã Đ, huyện U, tỉnh Bình Dương. Có mặt tại phiên tòa, vắng mặt khi tuyên án.

5. Bà Nguyễn Thị Kim T, sinh năm 1976; địa chỉ: Tổ 10, ấp T, xã T, huyện U, tỉnh Bình Dương. Có mặt.

6. Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1998; địa chỉ: Tổ 10, ấp T, xã T, huyện U, tỉnh Bình Dương. Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

7. Anh Võ Ngọc S, sinh năm 1996; địa chỉ: Tổ 9B, ấp B, xã T, huyện U, tỉnh Bình Dương. Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*- Theo đơn khởi kiện ngày 06/5/2019 của bà Phạm Thị P, lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:*

Bà Phạm Thị P và chồng là ông Nguyễn Văn M hiện đang trực tiếp quản lý và sử dụng phần đất có diện tích 7.581,5m<sup>2</sup> thuộc thửa đất số 120, tờ bản đồ số 41 tại xã T, huyện U, tỉnh Bình Dương. Phần đất trên có nguồn gốc do ông Nguyễn Văn M và bà Phạm Thị P khai hoang khoảng từ năm 1988. Năm 2005, ông M và bà P đi kê khai phần đất đã khai hoang trong đó có thửa đất số 120, tờ bản đồ 41 tại xã T và được Ủy ban nhân dân huyện U (nay là huyện B), tỉnh Bình Dương cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00215 ngày 06/10/2005 với diện tích 26.884m<sup>2</sup> cho hộ bà Phạm Thị P. Quá trình sử dụng đất của ông M và bà P từ năm 1988 đến nay không có tranh chấp với ai, phần đất trên ông M và bà P đã chuyển nhượng một phần diện tích 5.580m<sup>2</sup> vào ngày 01/01/2007 cho ông La Hán L. Ngày 14/4/2009, tách thửa diện tích 5.340m<sup>2</sup> tặng cho quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Thị Kim L; tách thửa diện tích 2.997m<sup>2</sup> tặng cho quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Thị Kim V; tách thửa diện tích 5.363m<sup>2</sup> tặng cho bà Nguyễn Thị Hồng T, diện tích đất còn lại 7.624m<sup>2</sup> theo kết quả đo đạc thực tế là 7.581,5m<sup>2</sup>.

Vào thời điểm nhà nước cấp đất năm 2005 thì hộ bà Phạm Thị P có 09 thành viên gồm: Bà Phạm Thị P, ông Nguyễn Văn M, bà Nguyễn Thị Kim T, bà Nguyễn Thị Kim V, bà Nguyễn Thị Kim L, bà Nguyễn Hồng T, anh Nguyễn Mạnh H, chị Nguyễn Thị L và anh Võ Ngọc S. Những thành viên trong hộ của bà P và ông M có quan hệ là con và cháu. Mặc dù có tên trong sổ hộ khẩu nhưng những người này không có công sức đóng góp, khai khẩn phần đất trên. Anh Nguyễn Mạnh H trong giấy tờ có quan hệ là con của ông M và bà P nhưng thực tế là cháu, anh H là con của bà Nguyễn Thị Kim T. Do thời điểm bà T sinh con chưa đủ tuổi vì thương con nên ông M nhận cháu làm con. Thời điểm ông M và bà P khai hoang anh H chưa ra đời, thời điểm cấp đất mới 12 tuổi, không có công sức đóng góp gì. Nay gia đình bà P đi làm thủ tục giấy tờ liên quan đến việc xác định phần đất nêu trên là tài sản của hai ông bà thì các thành viên trong hộ đều đồng ý xác định phần đất tranh chấp là tài sản của ông M và bà P tuy nhiên chỉ có anh H và bà T cản trở, không đồng ý.

Vì vậy, nguyên đơn bà Phạm Thị P khởi kiện yêu cầu Tòa án xác định quyền sử dụng phần đất theo kết quả đo đạc thực tế có diện tích 7.581,5m<sup>2</sup> thuộc thửa đất số 120, tờ bản đồ số 41 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 961383 do Ủy ban nhân dân huyện Tân Uyên (nay là huyện Bắc Tân Uyên), tỉnh Bình Dương cấp ngày 06/10/2005 cấp cho hộ bà Phạm Thị P và ông Nguyễn Văn M là tài sản của bà Phạm Thị P và ông Nguyễn Văn M. Các tài sản khác gắn liền trên đất do bà P và ông M tạo lập, nguyên đơn không có tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*- Lời khai của bị đơn anh Nguyễn Mạnh H trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa thể hiện:*

Anh Nguyễn Mạnh H xác định theo giấy tờ trong hộ khẩu thể hiện thì anh H là con của bà Phạm Thị P và ông Nguyễn Văn M. Về quan hệ nhân thân như đại diện nguyên đơn trình bày anh H thống nhất. Nguồn gốc phần đất diện tích 7.581,5m<sup>2</sup> thuộc thửa đất số 120, tờ bản đồ 41 đang tranh chấp trong quá trình làm việc anh H xác định không rõ nguồn gốc, chỉ biết từ lúc sinh ra đã sinh sống cùng gia đình ông M tại ấp Bằng Lăng, xã Tân Định, huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương nhưng lời khai tại phiên tòa anh H xác định thống nhất như trình bày của người đại diện của nguyên đơn về nguồn gốc đất do ông M và bà P khai hoang trước khi anh được sinh ra. Lúc nhỏ anh H ở cùng ông M và bà P phụ gia đình làm ruộng, sau đó chuyển qua trồng điều và hiện nay là trồng cao su. Đến năm 2011 anh H đi nghĩa vụ quân sự đến năm 2013 được về lại địa phương. Sau đó anh H lập gia đình vào năm 2014 và chuyển về sinh sống cùng gia đình bên vợ tại số 105 đường Ngô Chí Quốc, khu phố 2, phường Bình Chiểu, quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh cho đến nay. Về thời điểm hộ bà P được cấp đất và cấp diện tích bao nhiêu thì anh H không rõ. Trước thời điểm anh H đi bộ đội ông M có hứa sẽ chia đất cho anh nhưng nay ông M không thực hiện. Sau khi được Tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án anh H mới biết việc ông M và bà P đã tách hết phần đất cho các người con khác. Về yêu cầu của nguyên đơn xác định phần đất diện tích theo kết quả đo đạc thực tế diện tích 7581,5m<sup>2</sup> là tài sản thuộc quyền sử dụng của ông M và bà P thì anh H không đồng ý. Vì anh H xác định đây là tài sản chung của các thành viên trong hộ trong đó có anh H. Về các tài sản gắn liền trên đất anh H xác định là của ông M và bà P, không có tranh chấp. Anh H không có đơn yêu cầu chia tài sản và đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Trường hợp ông M và bà P muốn xác định phần đất này là của riêng thì phải chia đều phần đất còn lại cho các thành viên trong gia đình.

*- Lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Kim T trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa thể hiện:*

Về quan hệ huyết thống bà Nguyễn Thị Kim T thống nhất như ý kiến trình bày của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn. Bà T xác định là mẹ đẻ của anh Nguyễn Mạnh H, do thời điểm sinh anh H, bà T chưa đủ tuổi nên bà P và ông M nhận anh H làm con. Bà T sống cùng gia đình đến khoảng năm 1998, chuyển đi nơi khác sinh sống cùng gia đình chồng. Bà T xác định phần đất các đương sự đang tranh chấp có nguồn gốc do cha mẹ bà khai hoang, thời điểm khai hoang bà T khoảng 3-4 tuổi. Về các tài sản gắn liền trên đất bà T xác định là của ông M và bà P, không có tranh chấp. Bà T không có đơn yêu cầu chia tài sản và đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

*- Lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người có quyền lợi liên quan bà Nguyễn Hồng T trình bày:*

Thống nhất với lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và đề nghị Tòa án xác định diện tích 7581,5m<sup>2</sup> thuộc thửa đất số 120, tờ bản đồ số 41

tại xã Tân Định, huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương thuộc quyền quản lý sử dụng của bà Phạm Thị P và ông Nguyễn Văn M. Ngoài ra, bà T không có yêu cầu gì khác.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn M, bà Nguyễn Thị Kim V, bà Nguyễn Thị Kim L, anh Võ Ngọc S và chị Nguyễn Thị L có yêu cầu giải quyết vắng mặt nhưng lời khai trong quá trình giải quyết vụ án thể hiện:*

Thông nhất với lời trình bày của bà Phạm Thị P về quan hệ huyết thống và nguồn gốc phần đất tranh chấp. Đề nghị Tòa án xác định diện tích 7581,5m<sup>2</sup> thuộc thửa đất số 120, tờ bản đồ số 41 tại xã Tân Định, huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương thuộc quyền quản lý sử dụng của bà Phạm Thị P và ông Nguyễn Văn M.

### **Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương:**

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử tại phiên tòa: Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các qui định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Căn cứ vào qui định của Bộ luật tố tụng dân sự và các qui định pháp luật có liên quan đến quyền và nghĩa vụ của những người tham gia tố tụng dân sự, nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo qui định của pháp luật.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ do các đương sự cung cấp, chứng cứ do Tòa án thu thập được và lời khai của các đương sự thể hiện nguồn gốc phần đất tranh chấp là do ông M và bà P khai hoang mà có, thời điểm khai hoang anh H chưa sinh ra, thời điểm hộ bà P được cấp đất anh H mới 12 tuổi, không có đóng góp công sức gì. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xác định diện tích 7581,5m<sup>2</sup> thuộc thửa đất số 120, tờ bản đồ số 41 tại xã Tân Định, huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương là tài sản thuộc quyền quản lý sử dụng của bà Phạm Thị P và ông Nguyễn Văn M.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Tòa án nhân dân huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương nhận định:

[1] Bà Phạm Thị P khởi kiện yêu cầu Tòa án xác định diện tích theo đo đạc thực tế 7.581,5m<sup>2</sup> thuộc thửa đất số 120, tờ bản đồ số 41 là tài sản của bà Phạm Thị P và ông Nguyễn Văn M, diện tích đất tranh chấp tại xã T, huyện U, tỉnh Bình Dương. Vì vậy, đây là vụ án “Tranh chấp quyền sử dụng đất” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương được quy định tại khoản 9 Điều 26, điểm c khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn M, bà Nguyễn Thị Kim V, bà Nguyễn Thị Kim L, anh Võ Ngọc S và chị Nguyễn Thị L đều có yêu cầu giải quyết vắng mặt. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt những

người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trên theo quy định của Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét quan hệ nhân thân giữa nguyên đơn với bị đơn: Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều khẳng định bị đơn là cháu ngoại (con ruột của bà Nguyễn Thị Kim T), bản thân bà Nguyễn Thị Kim T cũng thừa nhận điều này. Tuy nhiên, bị đơn không thừa nhận. Mặt khác, Tòa án cũng đã yêu cầu nguyên đơn giám định để xác định quan hệ huyết thống giữa nguyên đơn với bị đơn nhưng nguyên đơn không đồng ý. Vì vậy, Tòa án xác định quan hệ nhân thân giữa nguyên đơn với bị đơn dựa trên chứng cứ do bị đơn cung cấp là giấy khai sinh số 37, quyển số 01 do UBND xã Tân Định, huyện Tân Uyên (nay là huyện Bắc Tân Uyên), tỉnh Bình Dương cấp ngày 15/3/2001 được hai bên thừa nhận. Tại biên bản xác minh của Tòa án tại Ủy ban nhân dân xã Tân Định, huyện Bắc Tân Uyên xác định ngày 15/3/2011, ông Nguyễn Văn M là người đăng ký khai sinh cho anh Nguyễn Mạnh H, nội dung khai sinh cha là ông Nguyễn Văn M và mẹ là bà Phạm Thị P. Như vậy, có đủ cơ sở xác định anh Nguyễn Mạnh H là con ruột của bà Phạm Thị P và ông Nguyễn Văn M.

[4] Xét nguồn gốc diện tích đất tranh chấp 7581,5 m<sup>2</sup>: Lời khai của nguyên đơn, bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều khẳng định nguồn gốc đất là do bà P và ông M khai hoang từ năm 1988. Xét lời thừa nhận của các đương sự là sự thật, là tình tiết không phải chứng minh theo Điều 92 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Mặt khác, theo tài liệu, chứng cứ Tòa án thu thập được tại Chi nhánh văn phòng đất đai huyện Bắc Tân Uyên và Công văn số 3130 ngày 15/11/2019 của UBND huyện Bắc Tân Uyên, quá trình làm thủ tục để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ông Nguyễn Văn M và vợ là bà Phạm Thị P ký vào đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất với tư cách “người sử dụng đất”. Như vậy, có đủ cơ sở để khẳng định nguồn gốc phần đất tranh chấp là do ông M, bà P khai hoang mà có.

[5] Xét quá trình quản lý, sử dụng diện tích đất tranh chấp 7.581,5 m<sup>2</sup>: Như trên đã phân tích, bà P và ông M khai hoang diện tích đất này từ khoảng những năm 1988; quá trình quản lý, sử dụng diện tích đất ông M, bà P đã canh tác, trồng lúa, trồng điều đây là nguồn thu nhập chủ yếu của gia đình để nuôi các con ăn học cho đến khi trưởng thành. Những việc này đều được tất cả các thành viên trong gia đình thừa nhận kể cả bị đơn. Vì vậy, có cơ sở để khẳng định ông M, bà P là người trực tiếp quản lý, sử dụng diện tích đất tranh chấp 7.581,5 m<sup>2</sup> từ khi khai hoang cho đến thời điểm tranh chấp.

[6] Xét công sức đóng góp của bị đơn đối với diện tích đất tranh chấp 7.581,5 m<sup>2</sup>: Thời điểm khoảng năm 1988 ông M, bà P khai hoang diện tích đất trên bị đơn chưa được sinh ra, đến năm 1993 bị đơn chào đời; năm 2005 ông M, bà P được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 26.884m<sup>2</sup>, lúc này bị đơn mới 12 tuổi; bị đơn xác định học đến lớp 8 (năm 14 tuổi) thì nghỉ học ở nhà phụ giúp gia đình; năm 18 tuổi bị đơn đi nghĩa vụ quân sự, năm 20 tuổi xuất ngũ, năm 21 tuổi lập gia đình và về sinh sống tại Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh cho đến nay. Như vậy, khẳng định quá trình khai hoang, quản lý, sử dụng diện tích đất trên bị đơn không có công sức

đóng góp gì, chỉ là thực hiện bổn phận làm con, có nghĩa vụ phải phụ giúp cha, mẹ công việc hàng ngày của gia đình.

[7] Bị đơn dựa vào việc cơ quan có thẩm quyền cấp đất cho “Hộ gia đình bà Phạm Thị P” đề yêu cầu Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là không có cơ sở. Bởi lẽ, dù luật đất đai 2003 không có quy định nào về “Hộ gia đình” nhưng theo quy định tại khoản 29 Điều 3 Luật đất đai năm 2013 “*Hộ gia đình sử dụng đất là những người có quan hệ hôn nhân, huyết thống, nuôi dưỡng theo quy định của pháp luật về hôn nhân và gia đình, đang sống chung và có quyền sử dụng đất chung tại thời điểm được Nhà nước giao đất, cho thuê đất, công nhận quyền sử dụng đất; nhận chuyển quyền sử dụng đất*” và tại Điều 108 Bộ luật dân sự 2005 quy định “*Tài sản chung của hộ gia đình gồm quyền sử dụng đất, quyền sử dụng rừng, rừng trồng của hộ gia đình, tài sản do các thành viên đóng góp, cùng nhau tạo lập nên hoặc được tặng cho chung, được thừa kế chung và các tài sản khác mà các thành viên thoả thuận là tài sản chung của hộ*”. Tuy nhiên, trên thực tế thời điểm cấp đất bị đơn chỉ mới 12 tuổi chưa “*có quyền sử dụng đất chung*” với ông M, bà P và cũng không có “*đóng góp, hay tạo lập*” gì vào tài sản là quyền sử dụng đang tranh chấp.

[8] Toàn bộ tài sản trên đất các đương sự thống nhất không tranh chấp nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Từ những phân tích trên có cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị P.

[10] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương là phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[11] Về chi phí xem xét thẩm định và định giá tài sản: Tổng chi phí xem xét thẩm định và định giá tài sản là 5.973.799 đồng, nguyên đơn đã tạm ứng và quyết toán xong với Tòa án. Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xác định tự nguyện chịu toàn bộ chi phí trên. Xét đây là sự tự nguyện của nguyên đơn nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[12] Án phí dân sự sơ thẩm:

Anh Nguyễn Mạnh H phải chịu án phí không có giá ngạch theo quy định của Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 26, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng Điều 108 Bộ luật dân sự năm 2005;

Các Điều 92, 147, 157, 165, 228, 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Luật đất đai năm 2003, Khoản 29 Điều 3 Luật đất đai năm 2013;

Khoản 2 Điều 26, điểm a Khoản 2 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị P:

Xác định phần đất có diện tích 7.581,5m<sup>2</sup> thuộc thửa số 120, tờ bản đồ số 41 tại xã Tân Định, huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương là tài sản thuộc quyền quản lý, sử dụng của bà Phạm Thị P và ông Nguyễn Văn M (Có sơ đồ bản vẽ kèm theo).

2. Về chi phí xem xét thẩm định, đo đạc và định giá tài sản: Nguyên đơn bà Phạm Thị P tự nguyện chịu toàn bộ số tiền 5.973.799 đồng (Năm triệu, chín trăm bảy mươi ba nghìn, bảy trăm chín mươi chín đồng) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng nguyên đơn nộp, đã quyết toán xong.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Nguyễn Mạnh H phải chịu án phí không giá ngạch 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

4. Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Kim T, bà Nguyễn Hồng T được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Bắc Tân Uyên;
- CCTHADS huyện Bắc Tân Uyên;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, HSV.A.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Ngọc Quyết**